

MARKET INSIGHTS REPORTS

28.02.2024

**VCB ĐẠT MỐC CAO NHẤT MỌI THỜI ĐẠI –
NGÂN HÀNG VẪN LÀ NHÓM CÓ HIỆU
SUẤT SINH LỜI CAO**



NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT
Thị trường có lặp lại hình ảnh của tháng 11/2017 và tháng 10/2020 ?
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY
Xuất khẩu thủy sản và thép đã hồi phục mạnh mẽ so với cùng kỳ
- 10** TTCK MỸ
Dự báo các chỉ số chứng khoán Mỹ sẽ giao dịch giảm điểm vào tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	556
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	309
Số cổ phiếu giảm giá	180
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	67

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	241
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	97
Số cổ phiếu giảm giá	82
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	62

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	363
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	150
Số cổ phiếu giảm giá	98
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	115

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	95,072.78	82,881.43	12,191.35
% KL toàn thị trường	9.79%	8.54%	
Giá trị	2,213,027	1,991,654	221,373
% GT toàn thị trường	9.75%	8.78%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,895.11	2,924.21	(29.10)
% KL toàn thị trường	9.79%	8.54%	
Giá trị	59,965	70,521	(10,555)
% GT toàn thị trường	3.11%	3.65%	

UPCOM

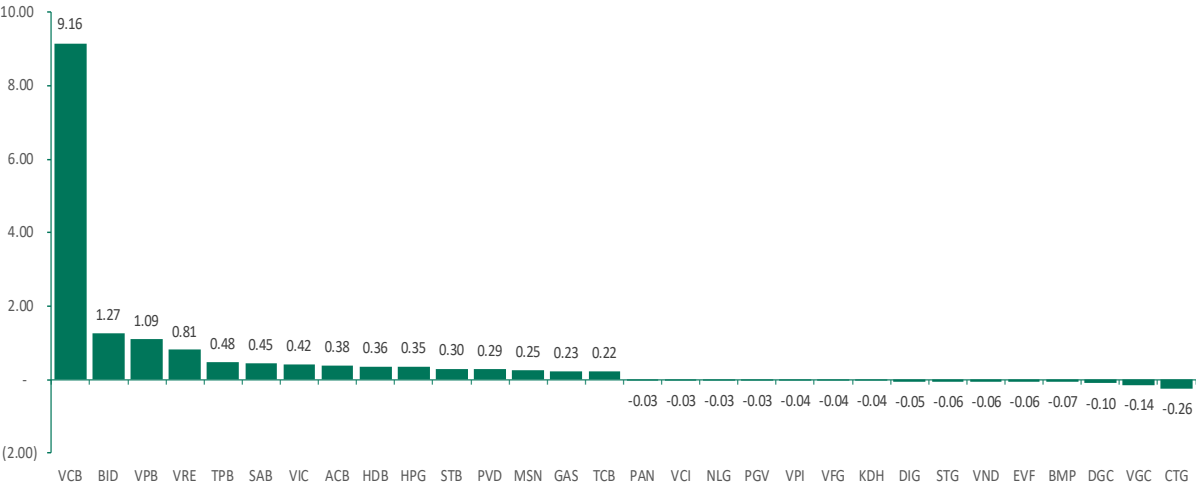
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	433.70	696.31	(262.61)
% KL toàn thị trường	0.93%	1.49%	
Giá trị	21,085	29,330	(8,245)
% GT toàn thị trường	2.57%	3.58%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

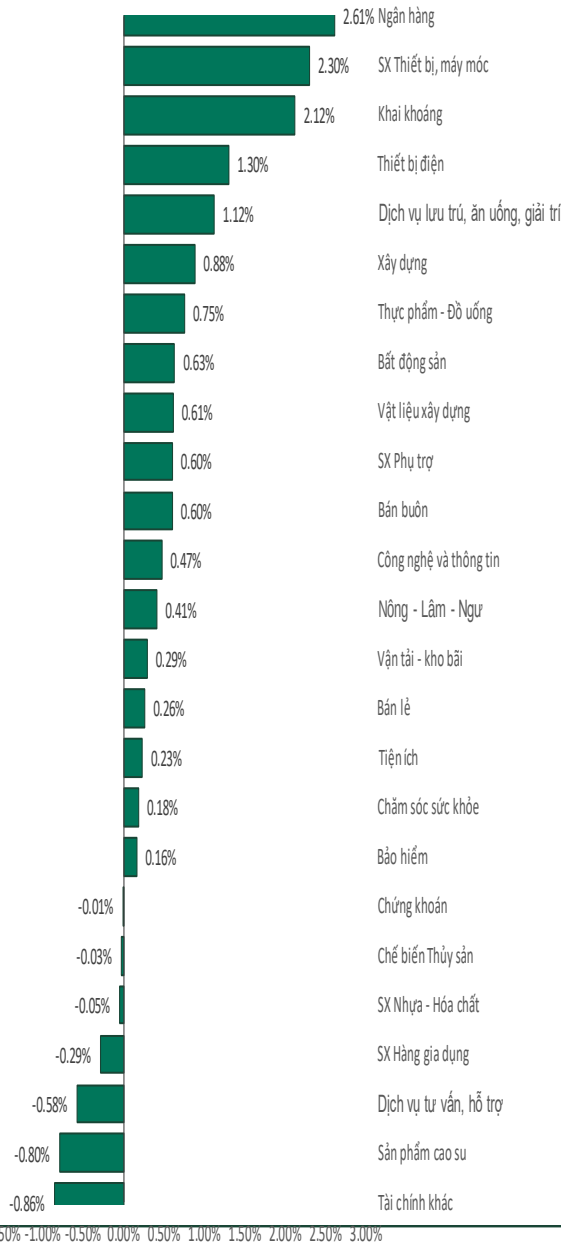
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	4,219,900	97,400	6,300 (6.92%)	16.48	3.23	5,910	544,377
2	BID	2,342,300	53,900	900 (1.7%)	17.25	2.50	3,125	307,253
3	VHM	6,283,200	44,400	200 (0.45%)	5.84	1.06	7,607	193,334
4	CTG	9,809,600	35,950	-200 (-0.55%)	10.30	1.51	3,491	193,051
5	GAS	1,570,600	78,000	400 (0.52%)	15.69	2.74	4,972	179,146
6	HPG	35,201,800	30,600	250 (0.82%)	21.07	1.73	1,452	177,932
7	VIC	3,369,700	45,600	450 (1%)	82.16	1.18	555	174,359
8	VPB	20,960,400	19,900	550 (2.84%)	13.77	1.13	1,445	157,885
9	VNM	3,419,000	72,200	200 (0.28%)	19.02	4.31	3,796	150,895
10	TCB	7,524,100	42,200	250 (0.6%)	7.37	1.13	5,725	148,650

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 17.09 điểm (+ 1.38%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Ngân hàng, sản xuất thiết bị máy móc, khai khoáng, thiết bị điện, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, xây dựng, thực phẩm đồ uống, vật liệu xây dựng... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như VCB, BID, VPB, TCB, MBB, ACB, HDB, STB, VIB, LPB, NHH, NAG, PVC, PVD, PVS, GEX, OCH, DAH, VNM, MSN, MCH, SAB, REE, HUT, PC1, HPG, HSG, NKG... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VCB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới kể từ tháng 11 – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá vẫn vận động theo sóng 5 với giá mục tiêu 113;
- ✓ VCB đang hoàn thiện công đoạn cuối cùng của hồ sơ bán vốn tăng vốn cho các đối tác;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(ii) VPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đã hoàn thiện mô hình sóng ABC và chuẩn bị thiết lập một sóng tăng giá mới;
- ✓ Khối lượng giao dịch tăng gần đây gợi ý khả năng này dù giá chưa bứt phá khỏi nền – Một Break out sẽ xác nhận xu hướng tăng giá quay trở lại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) PVD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới trong 52 tuần – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá trong sóng 5 với mục tiêu giá từ 33 – 39;
- ✓ Giá thuê giàn khoan PVD lập kỷ lục mới ở mức 100,000 USD/ngày;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iv) MCH tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá hướng tới mục tiêu giá 137 theo mô hình sóng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 51%;

(v) REE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới và vẫn đang hướng về vùng định giá trong báo cáo chúng tôi kỳ vọng là 80 – Xu hướng tăng vẫn đang tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(vi) HSG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 27;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(vii) GEX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu vận động theo mô hình nêm giá mở rộng với kháng cự là 23 và một Break out sẽ xác nhận xu hướng tăng giá quay trở lại;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(2) Tài chính khác, sản phẩm cao su, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, sản xuất hàng gia dụng, sản xuất nhựa hóa chất, chế biến thủy sản, ... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như IPA, TVC, DRC, CSM, TV2, MSH, TNG, GIL, STK, DGC, BMP, ANV, ASM... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) TNG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Xu hướng là tăng giá nhẹ - Nhìn chung nhóm dệt may mức độ giao dịch không sôi động dù hoạt động kinh doanh sẽ cải thiện mạnh nhờ xuất khẩu tăng giá và giá bông đang có xu hướng tăng trở lại giúp cải thiện biên lãi gộp nhờ tích lũy NVL giá thấp;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) BMP giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Hỗ trợ giảm giá là 105;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 62%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Thị trường sẽ lặp lại hình ảnh than 11/2017 và tháng 10/2020 ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Closing Marubozu”. Khối lượng tăng và nằm trên trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch tăng là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tích cực;

Các điểm cần lưu ý: (i) Nhóm ngân hàng tăng trở lại là điểm nhấn đáng chú ý, điều này cho thấy xu hướng chung của nhóm ngân hàng vẫn rất mạnh dù nhiều nhà đầu tư có xu hướng phủ nhận điều này và đang tìm kiếm cơ hội ở nhóm ngành bất động sản và chứng khoán. Chúng tôi cho rằng có lẽ chúng ta vẫn nên đánh giá lại và bảo lưu quan điểm phân bổ 50% danh mục vào nhóm cổ phiếu này bởi so với định giá lịch sử, nhóm này vẫn ở mức thấp. (ii) Tốc độ tăng giá sau phiên điều chỉnh thứ 6 là dốc và phần lớn tập trung đẩy giá nhóm vốn hóa lớn, điều này khiến danh mục nhiều nhà đầu tư thua lỗ, chúng tôi có cảm giác xu hướng hiện tại đang lặp lại hình ảnh của tháng 10/2020 hay tháng 11/2017, do vậy lựa chọn cổ phiếu trong nhóm VN30 có lẽ cần được ưu tiên hơn chút. Điều này hàm ý các kháng cự chỉ mang tính tương đối. (iv) Tỷ giá gần đây là một vấn đề đáng lưu tâm khi USD/VND trên thị trường liên ngân hàng đã chạm 24,700 đ (Vẫn thấp hơn mốc 24,900 đ của năm 2022) tuy nhiên có tạo áp lực đôi chút nhưng chúng tôi cho rằng yếu tố rủi ro chưa xuất hiện vì việc phá giá nhẹ cũng hỗ trợ phần nào đã tăng xuất khẩu và ngoài ra chưa có dấu hiệu nào cho thấy NHNN sẽ thay đổi chính sách tiền tệ nói lòng của mình và điều này phần nào thể hiện qua việc khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên thứ 3 liên tiếp.

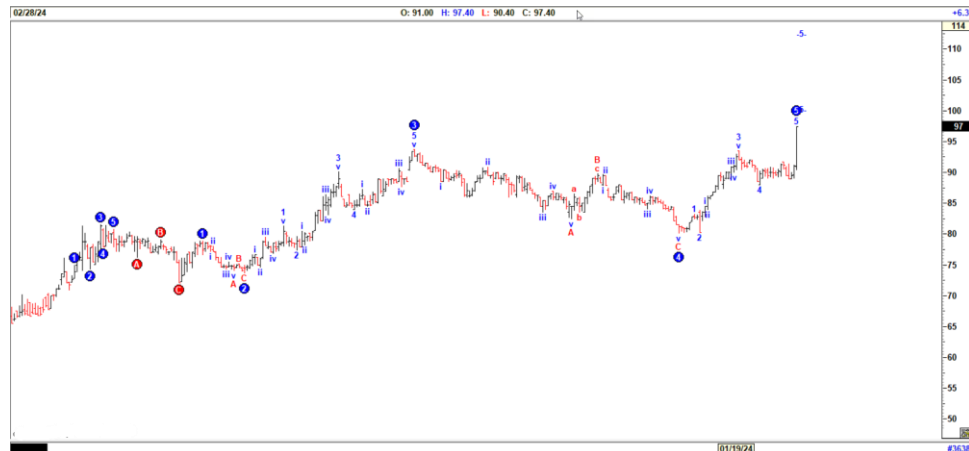
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 15 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 12 mã cho tín hiệu đi ngang. ACB, VNM, BID, VCB, GAS, TCB, HPG, MSN...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 55% và 70% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ tăng điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Kháng cự là 1,300 điểm. Hỗ trợ là 1,210 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ chỉ số VCB



Biểu đồ cổ phiếu VPB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	503.06	502.61	503.5	YES	508.71	513.49	519.14	523.92	498.28	492.63	487.85	482.2
HNXINDEX	235.25	235.3	235.2	YES	236.43	237.7	238.88	240.15	233.98	232.8	231.53	230.35
UPINDEX	90.49	90.46	90.51	YES	90.72	90.91	91.14	91.33	90.3	90.07	89.88	89.65
VN30	1259.11	1255.99	1262.23	NO	1271.59	1277.83	1290.31	1296.55	1252.87	1240.39	1234.15	1221.67
VNINDEX	1248.47	1245.44	1251.51	NO	1260.63	1266.7	1278.86	1284.93	1242.4	1230.24	1224.17	1212.01
VNXALL	2012.47	2009.21	2015.74	NO	2025.54	2032.07	2045.14	2051.67	2005.94	1992.87	1986.34	1973.27
VN30F1M	1257.93	1253.8	1262.07	NO	1274.47	1282.73	1299.27	1307.53	1249.67	1233.13	1224.87	1208.33
VN30F1Q	1255.67	1252.5	1258.83	NO	1271.33	1280.67	1296.33	1305.67	1246.33	1230.67	1221.33	1205.67
VN30F2M	1258.37	1254.5	1262.23	NO	1273.83	1281.57	1297.03	1304.77	1250.63	1235.17	1227.43	1211.97
VN30F2Q	1254.9	1251.1	1258.7	NO	1270.1	1277.7	1292.9	1300.5	1247.3	1232.1	1224.5	1209.3
ACB	27.85	27.77	27.93	NO	28.15	28.3	28.6	28.75	27.7	27.4	27.25	26.95
BCM	63.53	63.6	63.47	NO	64.17	64.93	65.57	66.33	62.77	62.13	61.37	60.73
BID	53.67	53.55	53.78	NO	55.03	56.17	57.53	58.67	52.53	51.17	50.03	48.67
BVH	42.38	42.35	42.42	YES	42.62	42.78	43.02	43.18	42.22	41.98	41.82	41.58
CTG	36.02	36.05	35.98	YES	36.38	36.82	37.18	37.62	35.58	35.22	34.78	34.42
FPT	107.77	107.4	108.13	NO	109.23	109.97	111.43	112.17	107.03	105.57	104.83	103.37
GAS	78.3	78.45	78.15	NO	78.9	79.8	80.4	81.3	77.4	76.8	75.9	75.3
GVR	29.08	29.17	28.99	NO	29.72	30.53	31.17	31.98	28.27	27.63	26.82	26.18
HDB	23.03	22.95	23.12	NO	23.37	23.53	23.87	24.03	22.87	22.53	22.37	22.03
HPG	30.57	30.55	30.58	YES	30.98	31.37	31.78	32.17	30.18	29.77	29.38	28.97
MBB	24.37	24.35	24.38	YES	24.58	24.77	24.98	25.17	24.18	23.97	23.78	23.57
MSN	68.13	68.05	68.22	NO	68.57	68.83	69.27	69.53	67.87	67.43	67.17	66.73
MWG	45.3	45.3	45.3	YES	45.85	46.4	46.95	47.5	44.75	44.2	43.65	43.1
PLX	36.37	36.45	36.28	NO	36.83	37.47	37.93	38.57	35.73	35.27	34.63	34.17
POW	11.82	11.82	11.81	YES	11.88	11.97	12.03	12.12	11.73	11.67	11.58	11.52
SAB	57.3	57.1	57.5	NO	58.1	58.5	59.3	59.7	56.9	56.1	55.7	54.9
SHB	11.88	11.88	11.89	YES	11.97	12.03	12.12	12.18	11.82	11.73	11.67	11.58
SSB	22.83	22.78	22.89	NO	23.07	23.18	23.42	23.53	22.72	22.48	22.37	22.13
SSI	36	35.95	36.05	NO	36.35	36.6	36.95	37.2	35.75	35.4	35.15	34.8
STB	31.22	31.13	31.31	NO	31.68	31.97	32.43	32.72	30.93	30.47	30.18	29.72
TCB	42.03	41.95	42.12	NO	42.52	42.83	43.32	43.63	41.72	41.23	40.92	40.43
TPB	19.7	19.55	19.85	NO	20.3	20.6	21.2	21.5	19.4	18.8	18.5	17.9
VCB	95.07	93.9	96.23	NO	99.73	102.07	106.73	109.07	92.73	88.07	85.73	81.07
VHM	44.43	44.45	44.42	YES	44.87	45.33	45.77	46.23	43.97	43.53	43.07	42.63
VIB	22.03	22	22.07	NO	22.22	22.33	22.52	22.63	21.92	21.73	21.62	21.43
VIC	45.75	45.83	45.67	NO	46.25	46.9	47.4	48.05	45.1	44.6	43.95	43.45
VJC	103.8	104	103.6	NO	104.3	105.2	105.7	106.6	102.9	102.4	101.5	101
VNM	72.1	72.05	72.15	YES	72.7	73.2	73.8	74.3	71.6	71	70.5	69.9
VPB	19.73	19.65	19.82	NO	20.07	20.23	20.57	20.73	19.57	19.23	19.07	18.73
VRE	27.33	27.1	27.57	NO	28.37	28.93	29.97	30.53	26.77	25.73	25.17	24.13

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
GEX	33,257,000	15,300,860	217	2.5
PVD	22,282,100	5,478,360	407	6.94
PVS	12,574,200	5,242,680	240	1.92
ORS	9,056,300	2,954,940	306	2.1
TTF	7,787,300	2,868,670	271.46	4.18
BAF	7,444,200	2,267,030	328	6.35
PVC	6,042,000	1,128,080	536	3.42
TIG	5,059,100	1,552,430	325.88	4.07
VCB	4,219,900	1,232,090	343	6.92
RDP	4,155,600	526,690	789	6.91
PSH	2,757,200	707,570	389.67	3.58
PLX	2,210,300	974,520	227	1.54
OIL	1,862,200	702,190	265	2.02
NHH	1,485,700	512,420	290	3.72
HTP	1,342,700	394,650	340	-4.96
KSQ	873,000	361,880	241.24	-7.69
PVB	718,800	172,230	417	1.9
BFC	623,300	264,460	236	3.02
MIG	510,600	191,470	267	1.4
BTP	483,300	89,390	541	1.39
DAH	457,100	175,680	260.19	1.16
DHM	432,600	135,770	319	6.4
PXI	432,400	176,790	245	6.9
PXS	427,000	164,560	259	2.33
SJS	410,700	79,660	516	5.35
SBG	405,900	144,580	280.74	6.69
BNA	397,400	168,270	236	0
TC6	346,600	160,650	216	1.08
VNH	282,800	91,540	309	0
DHA	239,800	89,680	267	-0.4
TDN	236,900	89,480	265	1.72
FCM	234,100	100,380	233	3.1
MVC	205,700	62,760	328	0
TEG	198,500	12,830	1,547	-0.98
VFG	133,900	66,260	202	-7
BVG	111,900	26,040	430	4.35
PSW	99,500	15,640	636	1.23
KHD	97,200	5,140	1,891	0
PAT	95,500	32,860	291	3.37
HNH	92,700	45,080	206	0

- Lưu ý: GEX, PVD...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
28-Feb	VCB	Mua	≤ 100	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang thiết lập mới mục tiêu 113
28-Feb	VPB	Mua	≤ 20.3	10% -20%	Chúng tôi thấy dấu hiệu kết thúc sóng ABC và bắt đầu chu kỳ tăng giá
28-Feb	PVD	Mua	≤ 31.5	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang thiết lập mới mục tiêu 39
28-Feb	REE	Mua thêm	≤ 62	10% -20%	Buy Kumo Break out

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 04 CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,210 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,300 điểm;
- Chúng tôi cho rằng VN-Index đang đi theo chu kỳ tháng 11/2017 và tháng 10/2020 – Do vậy, nhà đầu tư cần điều chỉnh chiến lược theo chu kỳ này
- Dòng tiền vẫn đẩy giá các cổ phiếu có nền giá tích lũy lâu (thủy sản, thép) hoặc các cổ phiếu đã có Break out trước đó (hóa chất, ngân hàng...);
- Vốn hóa lớn dường như đang được ưu tiên hơn

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 27/02, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.014 VND/USD, tăng tiếp 10 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.164 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.642 VND/USD, giảm 28 đồng so với phiên 26/02. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 50 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.250 VND/USD và 25.350 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 27/02, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,04 – 0,20 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,09 đpt ở kỳ hạn 1M so với phiên đầu tuần, cụ thể: ON 3,40%; 1W 3,41%; 2W 3,29% và 1M 2,87%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W, đi ngang ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 5,18%; 1W 5,30%; 2W 5,34%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp không thay đổi ở kỳ hạn 3Y trong khi giảm khá mạnh ở các kỳ hạn dài hơn; chốt phiên ở mức: 3Y 1,28%; 5Y 1,46%; 7Y 1,84%; 10Y 2,34%; 15Y 2,58%.
- Nghị vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 5.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, có 5.091,04 tỷ đồng đáo hạn. Khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống còn 946,47 tỷ đồng. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, không có tín phiếu lưu hành trên thị trường.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

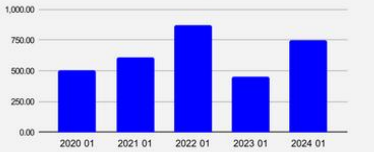
Xuất khẩu thủy sản và thép đã hồi mạnh so với cùng kỳ

TỔNG QUAN - XUẤT KHẨU THỦY SẢN

TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN			
Đvt: Triệu USD		LỖY KẾ	% YoY
TỔNG CỘNG			
2024 01	749.79	65.1%	
2023 01	454.10	-47.7%	
2022 01	868.22	42.6%	
2021 01	608.78	21.4%	
2020 01	501.59	-31.8%	

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU				
Đvt: Triệu USD		LỖY KẾ	% YoY	Tỷ trọng
MẶT HÀNG				
Tôm	241.93	141.43	71.1%	32.3%
Cá tra	164.87	83.65	97.1%	22.0%
Cá ngừ	79.34	50.37	57.5%	10.6%
Mực & bạch tuộc	61.92	42.82	44.6%	8.3%
Khác	201.74	135.84	48.5%	26.9%
TỔNG CỘNG	749.79	454.10	65.1%	100.0%

TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN (Lũy kế)



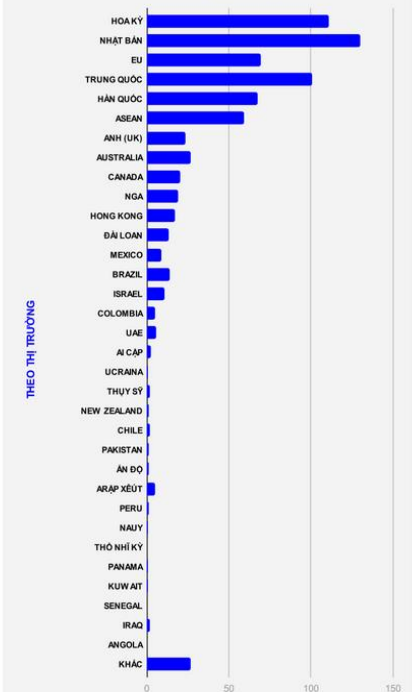
CƠ CẤU XUẤT KHẨU THEO CHỦNG LOẠI



(Số liệu lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo)

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU				
Đvt: USD		LỖY KẾ	% YoY	Tỷ trọng
THEO THỊ TRƯỜNG				
HOA KỲ	110,965,565	67,523,555	64.3%	14.8%
NHẬT BẢN	130,269,581	90,689,235	43.6%	17.4%
EU	69,452,748	52,676,702	31.8%	9.3%
TRUNG QUỐC	100,872,236	24,437,145	312.8%	13.5%
HÀN QUỐC	67,826,533	49,403,272	37.3%	9.0%
ASEAN	58,940,813	49,394,139	19.3%	7.9%
ANH (UK)	23,324,363	18,332,403	27.2%	3.1%
AUSTRALIA	26,639,823	14,057,605	89.5%	3.6%
CANADA	20,027,061	9,337,528	114.5%	2.7%
NGA	19,080,423	6,265,705	204.5%	2.5%
HONG KONG	17,427,670	10,741,487	62.2%	2.3%
ĐÀI LOAN	13,499,190	5,985,547	125.5%	1.8%
MEXICO	8,824,494	5,517,742	59.9%	1.2%
BRAZIL	13,718,519	7,438,368	84.4%	1.8%
ISRAEL	10,677,672	7,396,482	44.4%	1.4%
COLOMBIA	5,304,432	4,230,971	25.4%	0.7%
UAE	5,358,772	2,673,026	100.5%	0.7%
AI CAP	2,642,021	1,613,656	63.7%	0.4%
UCRAINA	459,197	174,455	163.2%	0.1%
THỤY SỸ	1,733,207	1,008,013	71.9%	0.2%
NEW ZEALAND	1,288,247	728,565	76.8%	0.2%
CHILE	2,078,442	1,651,043	25.9%	0.3%
PAKISTAN	1,051,446	265,160	296.5%	0.1%
ẤN ĐỘ	1,352,672	1,080,023	25.2%	0.2%
ARAP XÊUT	5,163,793	3,871,089	33.4%	0.7%
PERU	1,082,366	1,728,833	-37.4%	0.1%
NAUY	545,488	31,566	1628.1%	0.1%
THỎ NHÍ KỲ	200,022	720,789	-72.2%	0.0%
PANAMA	491,025	231,090	112.5%	0.1%
KUWAIT	396,152	288,428	37.3%	0.1%
SENEGAL	226,598	223,587	1.3%	0.0%
IRAQ	2,091,413	583,303	258.5%	0.3%
ANGOLA	140,936	50,442	179.4%	0.0%
KHÁC	26,640,095	13,744,141	93.8%	3.6%
TỔNG CỘNG	749,793,015	454,095,095	65.1%	100.0%

XUẤT KHẨU THEO THỊ TRƯỜNG (Triệu USD)



XUẤT KHẨU SẮT THÉP CẢ NƯỚC

SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU			
Đvt: Tấn		LỖY KẾ	%YoY
TỔNG CỘNG			
2024 01	1,160,060	84.4%	
2023 01	629,259	-20.2%	
2022 01	788,634	-16.9%	
2021 01	948,493	94.8%	
2020 01	486,981	-34.4%	

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU			
Đvt: USD		LỖY KẾ	%YoY
TỔNG CỘNG			
2024 01	822,649,863	91.5%	
2023 01	429,615,449	-60.8%	
2022 01	872,812,614	43.6%	
2021 01	607,672,119	128.5%	
2020 01	268,299,053	-42.9%	

SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU			
Đvt: Tấn		LỖY KẾ	%YoY
DOANH NGHIỆP FDI			
2024 01	467,227	17.2%	
2023 01	398,545	-49.9%	
2022 01	265,920	-23.4%	
2021 01	347,224	72.4%	
2020 01	201,411	-54.0%	

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU			
Đvt: USD		LỖY KẾ	%YoY
DOANH NGHIỆP FDI			
2024 01	342,070,924	34.0%	
2023 01	255,227,542	-16.4%	
2022 01	305,137,439	37.6%	
2021 01	221,694,144	89.4%	
2020 01	117,049,322	-57.0%	

(Số liệu lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo)

SẢN LƯỢNG XUẤT KHẨU				
Đvt: Tấn		LỖY KẾ	% YoY	Tỷ trọng
THEO THỊ TRƯỜNG				
ASEAN	359,645	197,870	81.8%	31.0%
TRUNG QUỐC	208	99	106.1%	0.0%
EU	354,003	127,405	177.9%	30.5%
HOA KỲ	139,218	26,821	419.1%	12.0%
ĐÀI LOAN	30,756	5,890	422.2%	2.7%
ANH (UK)	21,308	12,944	64.6%	1.8%
HONG KONG	45	20	125.0%	0.0%
HÀN QUỐC	41,331	15,108	173.6%	3.6%
BRAZIL	19,547	166	11675.3%	1.7%
NHẬT BẢN	9,923	2,848	248.4%	0.9%
ẤN ĐỘ	15,892	95,947	-83.4%	1.4%
PAKISTAN	117		0.0%	0.0%
AUSTRALIA	24,453	4,081	499.2%	2.1%
ARGENTINA	36		0.0%	0.0%
UAE	1,266	122	937.7%	0.1%
NGA	21	67	-68.7%	0.0%
THỎ NHÍ KỲ	283	63,605	-99.6%	0.0%
ARAP XÊUT	272		0.0%	0.0%
KHÁC	141,737	76,266	85.8%	12.2%
TỔNG CỘNG	1,160,060	629,259	84.4%	100.0%

(Số liệu lũy kế từ đầu năm đến tháng báo cáo)

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU				
Đvt: USD		LỖY KẾ	% YoY	Tỷ trọng
THEO THỊ TRƯỜNG				
ASEAN	229,271,676	138,102,020	66.0%	27.9%
TRUNG QUỐC	275,265	110,366	149.4%	0.0%
EU	228,892,485	75,509,145	200.5%	27.8%
HOA KỲ	113,888,933	24,678,598	361.5%	13.8%
ĐÀI LOAN	22,959,023	4,600,448	399.1%	2.8%
ANH (UK)	17,574,865	10,946,100	60.6%	2.1%
HONG KONG	46,959	27,813	68.6%	0.0%
HÀN QUỐC	39,009,186	20,279,494	92.4%	4.7%
BRAZIL	11,557,112	344,740	3252.4%	1.4%
NHẬT BẢN	8,870,848	4,159,754	112.3%	1.1%
ẤN ĐỘ	28,099,318	60,864,635	-53.8%	3.4%
PAKISTAN	161,862		0.0%	0.0%
AUSTRALIA	18,112,236	3,721,744	386.7%	2.2%
ARGENTINA	77,804		0.0%	0.0%
UAE	1,387,824	119,513	1061.2%	0.2%
NGA	24,976	102,691	-76.7%	0.0%
THỎ NHÍ KỲ	472,396	32,816,638	-98.6%	0.1%
ARAP XÊUT	220,287		0.0%	0.0%
KHÁC	103,746,606	53,231,750	94.9%	12.6%
TỔNG CỘNG	822,649,863	429,615,449	91.5%	100.0%

Intel vẫn nằm dưới khu vực kháng cự gây nguy cơ giảm về MA(200) là cao



TESLA tăng giá nhưng vận động theo mô hình Rising Wedge – Nguy cơ tiềm ẩn vẫn cao



Vốn hóa vừa và nhỏ sẽ trở thành nhóm tăng nóng trong giai đoạn tới ?



Nhóm công nghệ vẫn chịu áp lực điều chỉnh giảm nhưng mẫu hình lại đang tích cực



Kết luận: Dự báo tối nay các chỉ số giao dịch giảm điểm.

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

